

My name is: _____

WORKSHEET

Date: 22.03.2025



Review

Teacher's feedbacks

Task 1: Look and write the number.

(Nhìn và viết số tương ứng với màu nhé.)

1. Bread







2. Tomato







3. Sweet

4. Biscuit

5. Soda

6. Tea

7. Sandwich

8. Carrot

9. Milk

10. Chicken

11. Coffee

12. Orange juice











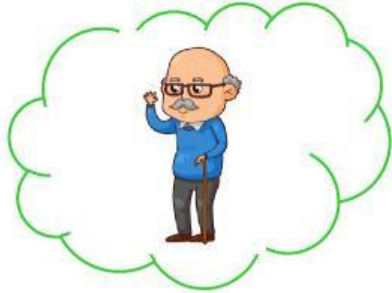


Task 2: Write the words. (Con nhìn hình và tìm từ viết vào chỗ chấm nhé)

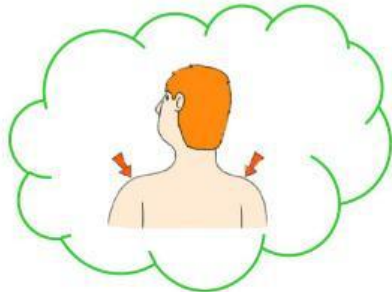
This is/ These are



1. _____ my eyes.



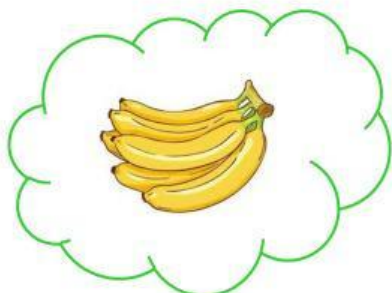
2. _____ my grandpa.



3. _____ my shouders.



4. _____ biscuits.



5. _____ bananas.



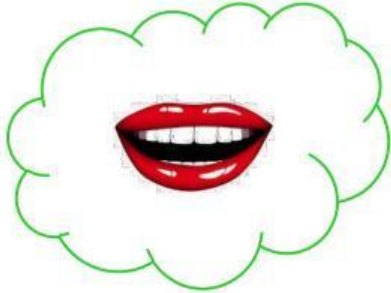
5. _____ a skirt.



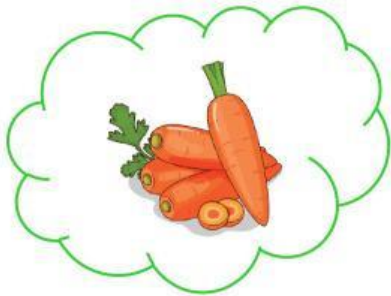
6. _____ green shorts.



7. _____ my shoes.



8. _____ my mouth.



9. _____ carrots.



10. _____ my aunt.

Task 3: Listen and tick (V): (Con nghe và tick (V) vào ô đúng nhé)

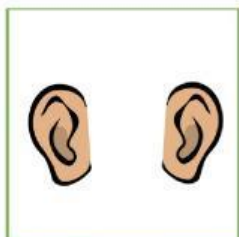
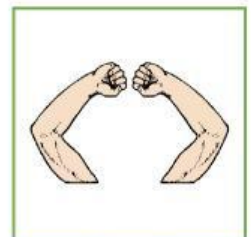
1. What food do you like?

☐☐☐

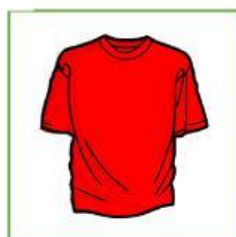
2. What is she wearing?

☐☐☐

3. What are these?

☐☐☐

4. What is it?

☐☐☐

5. How many oranges do you see?



6. What do you have?



7. Are these trousers?



8. What is he wearing?

